

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NĐ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2022/HNGĐ-ST

Ngày 14-9-2022

V/v ly hôn, nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NĐ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Thắng

Ông Nguyễn Văn Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh NĐ tham gia phiên tòa:

Ông Trần Trọng Dân - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh NĐ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 28/2022/TLST-HNGĐ ngày 09-6-2022 về ly hôn, nuôi con khi ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Ngô Thị X; sinh năm 1985; nơi cư trú: Xóm Nam C, xã Hải Đ, huyện Hải H, tỉnh NĐ.

- *Bị đơn:* Anh Hoàng Văn T; sinh năm 1981; đăng ký hộ khẩu: Xóm Nam C, xã Hải Đ, huyện Hải H, tỉnh NĐ; hiện trú tại Hàn Quốc.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Chị X có mặt. Anh T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn là chị Ngô Thị X trình bày:

Chị và anh Hoàng Văn T tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 31-10-2003 tại Ủy ban nhân dân xã Hải Đ, huyện Hải H, tỉnh NĐ. Sau khi, kết hôn vợ chồng chung sống tại Xóm Nam C, xã Hải Đ, huyện Hải H, tỉnh NĐ. Năm 2011 thì Anh T đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc với thời hạn 5 năm; đến năm 2016 Anh T về nước vì hết hạn hợp đồng và tiếp tục ký lại hợp đồng đi lao động với thời hạn 5 năm. Từ năm 2016 đến năm 2018 mỗi năm Anh T về thăm nhà một

lần. Từ năm 2018 đến nay, Anh T không về thăm nhà và bắt đầu gây mâu thuẫn với chị. Vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau qua điện thoại và gia đình bố mẹ Anh T cũng gây mâu thuẫn với chị. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên chị đề nghị Tòa án tỉnh ND giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Văn T.

Về con chung: Chị và Anh T có hai con chung là cháu Hoàng Thị H, sinh ngày 21-7-2004 và cháu Hoàng Thị C, sinh ngày 30-10-2007, hiện nay hai cháu đang ở cùng với chị. Nay ly hôn, cháu Hoàng Thị H đã đủ 18 tuổi nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn cháu Hoàng Thị C vợ chồng ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu Anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà sơ thẩm: Chị X giữ nguyên đơn khởi kiện và lời trình bày như trên.

* Đối với bị đơn là anh Hoàng Văn T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã giao các văn bản tố tụng bao gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về việc tiếp cận công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập phiên tòa, quyết định hoãn phiên tòa cho Anh T thông qua ông Hoàng Văn S (là bố đẻ của Anh T) và yêu cầu ông S thông báo cho Anh T trình bày quan điểm bằng văn bản về việc Chị X xin ly hôn và cung cấp địa chỉ tại Hàn Quốc gửi về cho Tòa án, nhưng Anh T không có văn bản trình bày quan điểm về việc Chị X xin ly hôn và vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

* Ông Hoàng Văn S là bố đẻ của anh Hoàng Văn T trình bày:

Anh Hoàng Văn T là con đẻ của ông, Anh T đi lao động tại Hàn Quốc từ khoảng năm 2014-2015, hiện nay Anh T vẫn đang ở Hàn Quốc, nhưng ông không biết được địa chỉ cụ thể, nơi ở, nơi làm việc của Anh T. Ông liên lạc với Anh T bằng điện thoại.

Trước khi Anh T đi Hàn Quốc đã đăng ký kết hôn với chị Ngô Thị X vào năm 2003 tại Ủy ban nhân dân xã Hải Đ, huyện Hải H, tỉnh ND. Anh T và Chị X có 02 con chung là cháu Hoàng Thị H, sinh ngày 21-7-2004 và cháu Hoàng Thị C, sinh ngày 30-10-2007, hiện nay hai cháu đang ở cùng với Chị X.

Ông đã nhận thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và ông đã thông báo bằng điện thoại cho Anh T về việc Chị X xin ly hôn và ông cũng thông báo cho Anh T viết văn bản về việc Chị X xin ly hôn gửi về cho Tòa án tỉnh ND, qua những lần liên lạc bằng điện thoại với Anh T; Anh T có trả lời anh rất bận, nên không thể về Việt Nam giải quyết việc Chị X xin ly hôn, anh đề nghị giải quyết theo pháp luật và anh không có ý kiến gì.

Trường hợp Anh T và Chị X ly hôn, do cháu C bị động kinh nên ông có nguyện vọng được nuôi cháu C và không yêu cầu Chị X phải cấp dưỡng nuôi con chung.

* Tại bản tự khai ngày 07-7-2022 cháu Hoàng Thị C trình bày: Cháu là con của bố Hoàng Văn T và mẹ Ngô Thị X. Nay bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được ở với mẹ Xuân.

* Tại bản tự khai ngày 22-7-2022 cháu Hoàng Thị H trình bày: Cháu được biết hiện nay Tòa án tỉnh ND đang giải quyết vụ việc ly hôn giữa bố mẹ cháu. Hiện nay cháu đã đủ 18 tuổi có thể tự lo cho bản thân nên không cần bố mẹ chu cấp. Cháu đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của cháu.

* Ủy ban nhân dân xã Hải Đ, huyện Hải H, tỉnh ND cung cấp: Anh Hoàng Văn T và chị Ngô Thị X có đăng ký kết hôn năm 2003 tại Ủy ban nhân dân xã Hải Đ, huyện Hải H. Quá trình chung sống do điều kiện kinh tế khó khăn, Anh T đi lao động xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng bị rạn nứt. Từ khi Anh T đi lao động xuất khẩu, Anh T có về Việt Nam nhưng ít. Gia đình, anh em động viên hàn gắn nhưng Chị X thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên đã làm đơn xin ly hôn Anh T.

Anh T và Chị X có 02 con chung là cháu Hoàng Thị H, sinh năm 2004 và cháu Hoàng Thị C, sinh năm 2007 đang ở với Chị X. Riêng cháu H đã đủ 18 tuổi khỏe mạnh, sống tự lập được còn cháu C bị bệnh động kinh, hiện hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng theo quy định của Nhà nước.

Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh ND phát biểu ý kiến giải quyết vụ án: Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81,82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị X; đề nghị Hội đồng xét xử, xử ly hôn giữa chị Ngô Thị X và anh Hoàng Văn T. Về con chung: Giao cháu Hoàng Thị C, sinh ngày 30-10-2007 cho chị Ngô Thị X nuôi dưỡng, anh Hoàng Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và công nợ chung của vợ chồng: Không đề nghị Tòa án giải quyết. Án phí giải quyết theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Ngô Thị X xin ly hôn anh Hoàng Văn T hiện đang cư trú tại nước Hàn Quốc, nhưng Chị X không cung cấp được địa chỉ của Anh T. Thông qua thân nhân là ông Hoàng Văn S là bố đẻ Anh T xác định Anh T vẫn liên lạc với gia đình bằng điện thoại, nhưng ông S không cung cấp địa chỉ cụ thể của Anh T tại nước Hàn Quốc. Tòa án đã giao thông báo thụ lý vụ án, thông qua ông S là bố đẻ của Anh T và yêu cầu ông S thông báo cho Anh T viết quan điểm về việc Chị X xin ly hôn gửi về cho Tòa án, nhưng Anh T không hợp tác.

[2] Căn cứ công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26 tháng 11 năm 2018 Hội đồng xét xử xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình dấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Do vậy, Tòa án tiếp tục tiến hành giao các văn bản tố tụng cho Anh T thông qua ông S là bố đẻ bao gồm: Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập phiên tòa, quyết định hoãn phiên tòa để ông S thông báo cho Anh T. Tính đến ngày mở phiên tòa xét xử lần thứ hai vào ngày 14 tháng 9 năm 2022 Anh T đều vắng mặt không có lý do và không có văn bản gửi cho Tòa án, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt Anh T.

[3] Về nội dung: Anh Hoàng Văn T và chị Ngô Thị X trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2003 tại Ủy ban nhân dân xã Hải Đ, huyện Hải H, tỉnh ND nên là hôn nhân hợp pháp.

[4] Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo Chị X trình bày do Anh T đi xuất khẩu lao động, còn Chị X sinh sống ở Việt Nam do xa cách nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng và không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa Anh T và Chị X không còn và không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của Chị X, xử ly hôn giữa Chị X và Anh T.

[5] Về con chung: Quá trình chung sống Anh T và Chị X có 02 con chung là cháu Hoàng Thị H, sinh ngày 21-7-2004 và cháu Hoàng Thị C, sinh ngày 30-10-2007, hiện nay hai cháu đang ở cùng với Chị X. Nay Anh T và Chị X ly hôn, cháu Hoàng Thị H đã đủ 18 tuổi nên Chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn cháu Hoàng Thị C vợ chồng ly hôn Chị X xin được trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu Anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu C đang ở với Chị X, được Chị X nuôi dưỡng bảo đảm về vật chất, tinh thần và cháu C có nguyện vọng ở với Chị X nên Hội đồng xét xử giao cháu C cho Chị X tiếp tục nuôi dưỡng.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do Chị X không yêu cầu Anh T cấp dưỡng nuôi cháu C nên Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[7] Về tài sản chung và công nợ chung của vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[8] Về án phí: Chị X phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Ngô Thị X và anh Hoàng Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung Hoàng Thị C, sinh ngày 30-10-2007 cho chị Ngô Thị X trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi và có khả năng lao động tự lập được; anh Hoàng Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của Chị X.

Chị X cùng các thành viên gia đình không được cản trở Anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị X phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Chị X đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai số 0006759 ngày 09-6-2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh ND. Chị X đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Ngô Thị X có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Hoàng Văn T có quyền kháng cáo trong hạn một tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành

án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh NĐ;
- Cục THADS tỉnh NĐ;
- UBND xã Hải Đ, huyện Hải H;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vũ Thị Thu